

Số:

Hà Nội,

**QUYẾT ĐỊNH****V/v: Ban hành biểu lãi suất các sản phẩm tiền gửi bằng đồng Việt Nam  
đối với Khách hàng cá nhân****TỔNG GIÁM ĐỐC**

- Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-NHNN ngày 17/03/2014 của Thống đốc NHNN quy định lãi suất đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Quyết định số 1124/QĐ-NHNN ngày 16/06/2023 về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng Đồng Việt Nam (VND) của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD) theo quy định tại Thông tư 07/2014/TT-NHNN ngày 17 tháng 3 năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-NHNN ngày 16/06/2022 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Quy định về việc áp dụng lãi suất rút trước hạn tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB);
- Căn cứ tình hình thị trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Điều 1.** Ban hành biểu lãi suất các sản phẩm tiền gửi bằng đồng Việt Nam đối với Khách hàng cá nhân. Chi tiết theo quy định tại Phụ lục 01, Phụ lục 02, Phụ lục 03, Phụ lục 04 đính kèm Quyết định này.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04/04/2024. Quyết định này thay thế Quyết định số **1571/2024/QĐ-TGDĐ** ngày **01/03/2024** của Tổng Giám đốc Ban hành biểu lãi suất các sản phẩm tiền gửi bằng đồng Việt Nam đối với Khách hàng cá nhân.
- Điều 3.** Tổ chức thực hiện:
1. Giám đốc Trung tâm Khách hàng Cá nhân (TTKHCN) có trách nhiệm niêm yết công khai biểu lãi suất tại quầy giao dịch của MSB và tuân thủ đúng ủy quyền của Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ về phê duyệt lãi suất các sản phẩm tiền gửi;
  2. Đối với các TTKHCN đề xuất áp dụng biểu lãi suất tiền gửi thấp hơn biểu lãi suất tiền gửi theo quy định tại Quyết định này, thì phải trình Giám đốc Vùng phê duyệt và niêm yết công khai biểu lãi suất tiền gửi được phê duyệt tại quầy giao dịch.
  3. Đối với các trường hợp điều chỉnh lãi suất: (Việc điều chỉnh lãi suất phải đảm bảo không vượt quá trần lãi suất do Ngân hàng Nhà nước quy định)
    - Giám đốc TTKHCN gửi cho Dịch vụ Khách hàng phê duyệt bằng email của cấp có thẩm quyền theo quy định (Ví dụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ/Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ/Giám đốc Vùng Khách hàng cá nhân... theo phân cấp ủy quyền) để làm cơ sở thực hiện điều chỉnh lãi suất.



- Đối với thẻ tiết kiệm mới, Giao dịch viên thực hiện bằng cách cộng/trừ trực tiếp margin khi duyệt thẻ tiết kiệm đến hạn.
  - Đối với thẻ tiết kiệm đáo hạn, Kiểm soát viên thực hiện cộng/trừ margin khi duyệt thẻ tiết kiệm đến hạn.
4. Đối với các thẻ tiết kiệm hoặc tài khoản tiền gửi online đáo hạn tự động trong khoảng thời gian Quyết định này có hiệu lực, thì lãi suất trên thẻ tiết kiệm hoặc tài khoản tiền gửi online đó được áp dụng mức lãi suất theo biểu lãi suất quy định tại Quyết định này kể từ ngày đáo hạn.
- Điều 4.** Giao cho Phòng Giải pháp Phi tín dụng có trách nhiệm công bố công khai Biểu lãi suất tại Quyết định này trên website của MSB, đồng thời thường xuyên theo dõi biến động lãi suất trên thị trường và tình hình huy động, sử dụng vốn của MSB để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh.
- Điều 5.** Tổng Giám đốc các Ngân hàng chuyên doanh, Giám đốc các Khối nghiệp vụ; Giám đốc Trung tâm Phát triển Giải pháp; Giám đốc Vùng, Giám đốc Thúc đẩy kinh doanh vùng, Giám đốc các Chi nhánh; Giám đốc các TTKHCN, Trưởng các Phòng, Ban Trụ sở chính và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

## **TỔNG GIÁM ĐỐC NHBL**

***Nơi nhận:***

- TGD, PTGD;
- VP TGD MSB;
- RB.SnD, RB.QL&HTBH;
- VH.GS&HKVH; Trưởng phòng HO;
- Khối TVPL&TT;
- RB.PTGP.Phitindung;
- RB.PTKDS
- Lưu: VT



**PHỤ LỤC 01**  
**BIỂU LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI TẠI QUẦY BẢNG ĐỒNG VIỆT NAM ĐỐI**  
**VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

(Biểu lãi suất này có hiệu lực kể từ ngày 04/04/2024)  
(Cơ sở 1 năm có 365 ngày, Đơn vị tính: đồng, %/năm)

**1. Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn**

Kỳ hạn	Lãi suất cao nhất	Rút gốc từng phần	Định kỳ sinh lời	Trả lãi ngay	Ong Vàng (*)	Mãng Non (*)	Hợp đồng tiền gửi
Lãi suất rút trước hạn	0						
01 tháng	3.00	3.00		2.30			3.00
02 tháng	3.00	3.00	2.30	2.30			3.00
03 tháng	3.00	3.00	2.50	2.50	3.00	3.00	3.00
04 tháng	3.00	3.00	2.50	2.50	3.00	3.00	3.00
05 tháng	3.00	3.00	2.50	2.50	3.00	3.00	3.00
06 tháng	3.80	3.80	3.30	3.05	3.60	3.60	3.80
07 tháng	3.80	3.80	3.30	3.05	3.60	3.60	3.80
08 tháng	3.80	3.80	3.30	3.05	3.60	3.60	3.80
09 tháng	3.80	3.80	3.30	3.05	3.60	3.60	3.80
10 tháng	3.80	3.80	3.30	3.05	3.60	3.60	3.80
11 tháng	3.80	3.80	3.30	3.05	3.60	3.60	3.80
12 tháng (**)	4.20	4.20	3.70	3.05	4.00	4.00	4.20
13 tháng (***)	4.20	4.20	3.70	3.05	4.00	4.00	4.20
15 tháng	4.20	4.20	3.70	3.05	4.00	4.00	4.20
18 tháng	4.20	4.20	3.70	3.05	4.00	4.00	4.20
24 tháng	4.20	4.20	3.70	3.05	4.00	4.00	4.20
36 tháng	4.20	4.20	3.70	3.05	4.00	4.00	4.20
4 năm – 15 năm						4.00	

(\*) Lãi suất Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gửi góp (Ong Vàng và Mãng Non) là thả nổi và thay đổi theo Biểu lãi suất MSB ban hành từng thời kỳ.

(\*\*) Sản phẩm Lãi suất cao nhất: Sổ tiết kiệm mở mới hoặc Sổ tiết kiệm mở từ ngày 01/01/2018 tự động gia hạn có kỳ hạn gửi 12 tháng, 13 tháng và số tiền gửi từ 500 tỷ vnd (Năm trăm tỷ vnd) áp dụng lãi suất 7.0%/năm.

## 2. Tiền gửi tiết kiệm ngắn ngày

Kỳ hạn (FCxx0D)	Lãi suất
01 tuần	0.50
02 tuần	
03 tuần	

## 3. Tiền gửi tiết kiệm theo chương trình “ Cho vay dễ sở hữu Quyền nghỉ dưỡng tại dự án ALMA”

Kỳ hạn	Lãi suất
12 tháng	4.00
24 tháng	4.00



**PHỤ LỤC 02**  
**BIỂU LÃI SUẤT HUY ĐỘNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN TRỰC TUYẾN BẰNG ĐỒNG**  
**VIỆT NAM ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**  
*(Biểu lãi suất này có hiệu lực kể từ ngày 04/04/2024)*  
*(Cơ sở 1 năm có 365 ngày, Đơn vị tính: đồng, %/năm)*

**1. Tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến**

Kỳ hạn	Lãi suất cao nhất	Rút gốc từng phần	Định kỳ sinh lời	Trả lãi ngay	Ong Vàng (*)
<b>Lãi suất rút trước hạn</b>	0				
<b>01 ngày</b>	0.50				
<b>01 tháng</b>	3.50	3.50		2.75	
<b>02 tháng</b>	3.50	3.50	3.25	2.75	
<b>03 tháng</b>	3.50	3.50	3.25	2.75	3.00
<b>04 tháng</b>	3.50	3.50	3.25	2.75	3.00
<b>05 tháng</b>	3.50	3.50	3.25	2.75	3.00
<b>06 tháng</b>	4.10	4.10	3.30	3.05	3.60
<b>07 tháng</b>	4.10	4.10	3.30	3.05	3.60
<b>08 tháng</b>	4.10	4.10	3.30	3.05	3.60
<b>09 tháng</b>	4.10	4.10	3.30	3.05	3.60
<b>10 tháng</b>	4.10	4.10	3.30	3.05	3.60
<b>11 tháng</b>	4.10	4.10	3.30	3.05	3.60
<b>12 tháng</b>	4.50	4.50	3.70	3.60	4.00
<b>13 tháng</b>	4.50	4.50	3.70	3.60	4.00
<b>15 tháng</b>	4.50	4.50	3.70	3.60	4.00
<b>18 tháng</b>	4.50	4.50	3.70	3.60	4.00
<b>24 tháng</b>	4.50	4.50	3.70	3.60	4.00
<b>36 tháng</b>	4.50	4.50	3.70	3.60	4.00

(\*) Lãi suất Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gửi góp (Ong Vàng và Măng Non) là thả nổi và thay đổi theo Biểu lãi suất MSB ban hành từng thời kỳ.

**2. Tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến sản phẩm “Lãi suất đặc biệt”**

Kỳ hạn	Lãi suất
6 tháng	4.60
12 tháng	4.80
15 tháng	4.80
24 tháng	4.80

**- Khách hàng thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:**

- + Số tiền gửi tối đa trên một Khách hàng tối đa là 5 tỷ VNĐ.
- + Chỉ áp dụng cho các Khách hàng tại thời điểm mở Sổ đang không có Sổ tiết kiệm, Hợp đồng tiền gửi, Chứng chỉ tiền gửi ... tại MSB.
- + Mỗi Khách hàng tại một thời điểm chỉ được phép có 01 Sổ mở theo sản phẩm “Lãi suất đặc biệt”.

**PHỤ LỤC 03**  
**BẢNG MÃ SẢN PHẨM TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN**

Kỳ hạn	Lãi suất cao nhất	Rút gốc từng phần	Định kỳ sinh lời	Trả lãi ngay	Ong Vàng	Mãng non	Hợp đồng tiền gửi
<b>1.</b>	<b>Tiền gửi có kỳ hạn tại quầy</b>						
<b>01 tháng</b>	FC010LSCN	FC010PW		FC019			FCRM001HD
<b>02 tháng</b>	FC020LSCN	FC020PW	FC021	FC029			FCRM002HD
<b>03 tháng</b>	FC030LSCN	FC030PW	FC031	FC039	FC030OV1	FC030MN1	FCRM003HD
<b>04 tháng</b>	FC040LSCN	FCRM040PW	FC041	FCRM9040	FCRM040OV1	FCRM040MN1	FCRM004HD
<b>05 tháng</b>	FC050LSCN	FCRM050PW	FC051	FCRM9050	FCRM050OV1	FCRM050MN1	FCRM005HD
<b>06 tháng</b>	FC060LSCN	FC060PW	FC061	FC069	FC060OV1	FC060MN1	FCRM006HD
<b>07 tháng</b>	FC070LSCN	FCRM070PW	FC071	FCRM9070	FCRM070OV1	FCRM070MN1	FCRM007HD
<b>08 tháng</b>	FC080LSCN	FCRM080PW	FC081	FCRM9080	FCRM080OV1	FCRM080MN1	FCRM008HD
<b>09 tháng</b>	FC090LSCN	FC090PW	FC091	FC099	FCRM090OV1	FCRM090MN1	FCRM009HD
<b>10 tháng</b>	FC100LSCN	FCRM010PW	FC101	FCRM9100	FCRM010OV1	FCRM010MN1	FCRM010HD
<b>11 tháng</b>	FC110LSCN	FCRM011PW	FC111	FCRM9110	FCRM011OV1	FCRM011MN1	FCRM011HD
<b>12 tháng</b>	FC120LSCN	FC120PW	FC121	FC129	FC0120OV1	FC0120MN1	FCRM012HD
<b>13 tháng</b>	FC130LSCN	FCRM013PW	FC131	FCRM9130	FC0130OV1	FC0130MN1	FCRM013HD
<b>15 tháng</b>	FC150LSCN	FCRM015PW	FC151	FCRM9150	FC0150OV1	FC0150MN1	FCRM015HD
<b>18 tháng</b>	FC180LSCN	FCRM018PW	FC181	FCRM9180	FC0180OV1	FC0180MN1	FCRM018HD
<b>24 tháng</b>	FC240LSCN	FCRM024PW	FC241	FCRM9240	FC0240OV1	FC0240MN1	FCRM024HD
<b>36 tháng</b>	FC360LSCN	FCRM036PW	FC361	FCRM9360	FC0360OV1	FC0360MN1	FCRM036HD
<b>04 - 15 năm</b>						FC0XX0MN1	
<b>2.</b>	<b>Tiền gửi tiết kiệm ngắn ngày</b>						
<b>1 tuần</b>	FC070D						
<b>2 tuần</b>	FC140D						
<b>3 tuần</b>	FC210D						
<b>3.</b>	<b>Tiền gửi tiết kiệm theo chương trình “Cho vay để sở hữu Quyền nghỉ dưỡng tại dự án ALMA”</b>						
<b>12 tháng</b>	FCRM0120A						
<b>24 tháng</b>	FCRM0240A						
<b>4.</b>	<b>Tiền gửi có kỳ hạn trực tuyến</b>						
<b>01 ngày</b>	FSRD001						
<b>01 tháng</b>	FS010I	FSRM010PW		FSRM9010			



<b>02 tháng</b>	FS020I	FSRM020PW	FS021	FSRM9020			
<b>03 tháng</b>	FS030I	FSRM030PW	FS031	FSRM9030	FS030OV1		
<b>04 tháng</b>	FS040I	FSRM040PW	FS041	FSRM9040	FSRM040OV1		
<b>05 tháng</b>	FS050I	FSRM050PW	FS051	FSRM9050	FSRM050OV1		
<b>06 tháng</b>	FS060I	FSRM060PW	FS061	FSRM9060	FS060OV1		
<b>07 tháng</b>	FS070I	FSRM070PW	FS071	FSRM9070	FSRM070OV1		
<b>08 tháng</b>	FS080I	FSRM080PW	FS081	FSRM9080	FSRM080OV1		
<b>09 tháng</b>	FS090I	FSRM090PW	FS091	FSRM9090	FSRM090OV1		
<b>10 tháng</b>	FS100I	FSRM100PW	FS101	FSRM9100	FSRM100OV1		
<b>11 tháng</b>	FS110I	FSRM110PW	FS111	FSRM9110	FSRM110OV1		
<b>12 tháng</b>	FS120I	FSRM120PW	FS121	FSRM9120	FS120OV1		
<b>13 tháng</b>	FSRM0130I	FSRM130PW	FS131	FSRM9130	FS130OV1		
<b>15 tháng</b>	FSRM0150I	FSRM150PW	FS151	FSRM9150	FS150OV1		
<b>18 tháng</b>	FSRM0180I	FSRM180PW	FS181	FSRM9180	FS180OV1		
<b>24 tháng</b>	FSRM0240I	FSRM240PW	FS241	FSRM9240	FS240OV1		
<b>36 tháng</b>	FSRM0360I	FSRM360PW	FS361	FSRM9360	FS360OV1		
<b>5.</b>	<b>Tiền gửi trực tuyến lãi suất đặc biệt</b>						
<b>6 tháng</b>	FSRM006DB						
<b>12 tháng</b>	FSRM012DB						
<b>15 tháng</b>	FSRM015DB						
<b>24 tháng</b>	FSRM024DB						



**PHỤ LỤC 04**  
**BẢNG MÃ SẢN PHẨM TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG**  
**TÀI CHÍNH CỘNG ĐỒNG**

<b>Kỳ hạn</b>	<b>Lãi suất cao nhất</b>	<b>Định kỳ sinh lời</b>	<b>Ong Vàng</b>
<b>01 tháng</b>	FCCB010KBH/FCCB010VIP		
<b>02 tháng</b>	FCCB020KBH/FCCB020VIP	FCCB021KBH/FCCB021VIP	
<b>03 tháng</b>	FCCB030KBH/FCCB030VIP	FCCB031KBH/FCCB031VIP	FCCB030TOP
<b>04 tháng</b>	FCCB040KBH/FCCB040VIP	FCCB041KBH/FCCB041VIP	
<b>05 tháng</b>	FCCB050KBH/FCCB050VIP	FCCB051KBH/FCCB051VIP	
<b>06 tháng</b>	FCCB060KBH/FCCB060VIP	FCCB061KBH/FCCB061VIP	FCCB060TOP
<b>09 tháng</b>	FCCB090KBH/FCCB090VIP	FCCB091KBH/FCCB091VIP	FCCB090TOP
<b>12 tháng</b>	FCCB120KBH/FCCB120VIP	FCCB121KBH/FCCB121VIP	FCCB120TOP
<b>13 tháng</b>	FCCB130KBH/FCCB130VIP	FCCB131KBH/FCCB131VIP	
<b>15 tháng</b>	FCCB150KBH/FCCB150VIP	FCCB151KBH/FCCB151VIP	FCCB150TOP
<b>18 tháng</b>	FCCB180KBH/FCCB180VIP	FCCB181KBH/FCCB181VIP	FCCB180TOP
<b>21 tháng</b>	FCCB210KBH/FCCB210VIP	FCCB211KBH/FCCB211VIP	FCCB210TOP
<b>24 tháng</b>	FCCB240KBH/FCCB240VIP	FCCB241KBH/FCCB241VIP	FCCB240TOP
<b>36 tháng</b>	FCCB360KBH/FCCB360VIP	FCCB361KBH/FCCB361VIP	

**Lưu ý:**

- Các mã sản phẩm này chỉ áp dụng đối với các khoản tiền gửi mở trước ngày 11/09/2018 và các khoản tiền gửi này có đặc tính tự động gia hạn khi đến hạn thanh toán.
- Mức lãi suất áp dụng đối với các khoản tiền gửi có đặc tính tự động gia hạn khi đến hạn thanh toán nêu trên, được áp dụng tương ứng với lãi suất của sản phẩm Lãi suất cao nhất, Định kỳ sinh lời và Ong vàng theo quy định tại Phụ lục 01 Quyết định này.
- Các khoản tiền gửi mở từ ngày 11/09/2018 áp dụng mã sản phẩm quy định tại Phụ lục 02 và lãi suất tại Phụ lục 01 Quyết định này.

